TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-9-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu H.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành
Ông Nguyễn Hoàng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Thường trú: Thôn Y, xã C, huyện T tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Số 3, ngách 76, ngõ 109, đường C, thành phố Đ, Đài Loan.

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của chị Phạm Thị H: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998 (Không triệu tập).

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện T tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Y, xã C, huyện T tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/3/1996 tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau không hạnh phúc,

vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhưng vì con cái nên vợ chồng chị đã khắc phục những khuyết điểm của bản thân, bỏ qua cho nhau và cùng nuôi dạy con cái. Năm 2007 chị đi lao động tại nước ngoài, vợ chồng chị vẫn liên lạc với nhau nhưng thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2012 chị về nước nhằm mục đích làm ăn kinh tế và vun đắp hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2014, chị đưa các con vào sinh sống tại Kon Tum. Năm 2015 chị đi lao động tại Đài Loan. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 18/6/1997 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1998. Hiện các cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị và anh H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/8/2023 anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25/3/1996 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 chị H đi lao động tại Malaysia, năm 2012 chị H về nước thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau và không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh không muốn ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ với nhau, trường hợp chị H cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 18/6/1997 và cháu Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1998. Hiện các cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh và chị H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H, anh Nguyễn Văn H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Phạm Thị H, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn H. Do chị H lao động nước, theo Công văn trả lời số: 21847/QLXNC-P5 ngày 23/8/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh-Bộ công an cung cấp, chị H xuất nhập cảnh 13 lần, lần xuất cảnh gần nhất ngày 01/8/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vụ án có nguyên đơn là chị H hiện nay đang ở nước ngoài. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có địa chỉ thường trú tại Thôn Y, xã C, huyện T tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Phạm Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 25/3/1996 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H đối với anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh H chung sống với nhau

không hạnh phúc, năm 2007 chị H đi lao động tại nước ngoài đến năm 2012 chị H về nước nhằm mục đích làm ăn kinh tế ở nhà để vun đắp hạnh phúc gia đình và nuôi dạy các con. Chị H và anh H đều thừa nhận từ năm 2012 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị H và anh H đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Tháng 7 năm 2023 chị H về nước nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn tình cảm được. Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh H, xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Chị H và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 18/6/1997 và Nguyễn Văn H1, sinh ngày 23/11/1998. Hiện con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị H và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở nước ngoài, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đang ở trong nước, nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000140 ngày 25/7/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã A, huyện T, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền